

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000  
Khu đô thị Hành chính – Dịch vụ, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Hành chính – Dịch vụ, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 257/UBND-CN ngày 10/01/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị hành chính - dịch vụ thị xã Buôn Hồ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 241/TTr-SXD ngày 13/6/2019.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh một số nội dung quy định tại khoản 6, Điều 1, Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Hành chính – Dịch vụ, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Điều chỉnh khoản 6, Điều 1:

“ 6. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất đơn vị ở</b>		<b>201,05</b>	<b>44,68</b>
1	Đất ở		179,96	40,00
-	Nhà ở hiện hữu chính trang	A1-1, ..., A1-70	122,15	27,15
-	Nhà ở liên kế	A2-1, ..., A2-6	16,46	3,66
-	Nhà ở biệt thự vườn	A3-1, ..., A3-4	21,68	4,82
-	Nhà ở xã hội, tái định cư	A4-1, A4-2	19,67	4,37
2	Đất công trình công cộng- thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở		12,87	2,86
-	Đất giáo dục	B2-1, ..., B2-3, B2-5, ..., B2-7, B2-9, ..., B2-11, B2-13, ..., B2-14	10,25	2,28
-	Đất công cộng-Dịch vụ-Hành chính	B2-4, B2-12, B2-15, B2-16	2,62	0,58

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3	Đất cây xanh - TĐTT	E2-1,...,E2-7	8,22	1,82
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>		<b>204,11</b>	<b>45,36</b>
1	Đất hành chính, dịch vụ công cộng	B1-1,...B1-16	29,72	6,60
2	Đất dịch vụ du lịch	C1,...C3	26,94	5,99
3	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	D1,...D8	30,53	6,78
4	Đất cây xanh - TĐTT		32,17	7,15
-	Đất công viên cây xanh-TĐTT	E1-1	1,98	0,44
-	Đất cây xanh cảnh quan	E1-2,E1-3	30,19	6,71
5	Đất giao thông, bãi đậu xe	-	84,75	18,84
-	Đất giao thông	-	80,78	17,96
-	Bãi đậu xe	I1,...I4	3,97	0,88
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>		<b>44,84</b>	<b>9,96</b>
1	Đất tôn giáo	F1,F2,F3	1,87	0,42
2	Đất quân sự	G1	2,94	0,65
3	Đất dự trữ	H1,H2	34,81	7,73
4	Đất giao thông đối ngoại (đường Hùng Vương)	-	5,22	1,16
	<b>Tổng cộng</b>		<b>450,00</b>	<b>100,00</b>

Ghi chú: Hạ tầng kỹ thuật (quy hoạch cấp điện, cấp nước, thoát nước, ...) đối với đoạn đường điều chỉnh cục bộ quy hoạch (mặt cắt đường DC1 tại bản vẽ quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh) bám theo hướng tuyến đã điều chỉnh cục bộ.”

2. Các nội dung khác không điều chỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Giao UBND thị xã Buôn Hồ có trách nhiệm thông báo nội dung điều chỉnh nêu trên để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Giáo dục và đào tạo; Y tế; Chủ tịch UBND thị xã Buôn Hồ; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././đc

Nơi nhận: *Như*

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.(VT-7)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Cảnh**